TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **122**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Phi Công**
Bà **Huỳnh Thị Mỹ Trang**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Hương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện X.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên

Vào ngày 31/12/2019, tại Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2019/TLST- HNGĐ ngày 28/8/2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2019 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Bà H và ông K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, bà và ông Nguyễn Văn K chung sống với nhau năm 1979 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Nghĩa Bình (nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi). Vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, ông K thường xuyên uống rượu, chửi bới đánh đập bà, bà và ông K đã ly thân được 01 năm nay. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là Nguyễn Hòa M, sinh ngày 20/3/1980 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25/01/1986, hiện nay các con chung đã

trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo ông cuộc sống chung vợ chồng bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong đời sống hàng ngày. Hiện nay bà H đã dọn ra ngoài sống riêng 06 tháng nay. Thời gian bà H ra ngoài sống ông có tác động để hòa giải nhưng bà H không có thiện chí hòa giải. Bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý, vì ông vẫn còn thương vợ con, bà H muốn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Hiện nay các con chung Nguyễn Hòa M, sinh ngày 20/3/1980 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25/01/1986 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện X xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, do đó chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông K là phù hợp. Về con chung: Hiện nay con chung là Nguyễn Hòa Hiệp, sinh ngày 20/3/1980 và Nguyễn Hồng Hải, sinh ngày 25/01/1986 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết; Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị HĐXX không giải quyết. Nợ chung: Không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn K, do đó xác định bà H là nguyên đơn, ông K là bị đơn.

[**2] Về thủ tục tố tụng**: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt bà H và ông K tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H nhận thấy: Bà H trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, ông K thường xuyên uống rượu, chửi bới đánh đập bà, bà và ông K đã ly thân được 01 năm nay. Ông K không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương yêu vợ con, ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không có gì lớn chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, ông bà đã ly thân 06 tháng nay. Thời gian vợ chồng ly thân ông đã cố gắng tác động hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông K.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Hòa Hiệp, sinh ngày 20/3/1980 và Nguyễn Hồng Hải, sinh ngày 25/01/1986, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung: ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết

[6] Về nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

[**7] Về án phí**: Bà H có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, nên chấp nhận

[8] Xét nhận định của Kiểm sát viên: phù hợp, nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn

Văn K

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện X;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly